

Tên đơn vị gửi mẫu: **KHOA SỨC KHỎE MÔI TRƯỜNG – Y TẾ TRƯỜNG HỌC – BỆNH NGÀNH NGHIỆP**

Địa chỉ: Số 54 Phạm Ngọc Thạch – Phường Cam Ly-Đà Lạt – tỉnh Lâm Đồng

Ngày lấy mẫu: 18 / 9 / 2025

Địa điểm lấy mẫu: **Trạm xử lý Công ty CP CTN & XD Đức Trọng**

Tên mẫu: Nước máy

Tình trạng mẫu: Mẫu đựng trong can nhựa và chai vô trùng nguyên vẹn.

Thời gian phân tích: Từ ngày 18 / 9 / 2025 đến ngày 26 / 9 / 2025.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM					
Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử nghiệm	Đơn vị tính	Giới hạn tối đa	Kết quả
1	Coliform tổng số (*)	TCVN 6187 – 1:2019	CFU/100ml	< 3	0
2	<i>E.coli</i> (*)	TCVN 6187 – 1:2019	CFU/100ml	< 1	0
3	<i>Staphylococcus aureus</i>	SMEWW 9213 B : 2023	CFU/100ml	< 1	0
4	<i>Pseudomonas aeruginosa</i> (*)	TCVN 8881:2011	CFU/100ml	< 1	0
5	Độ pH(*)	TCVN 6492:2011	/	6,0-8,5	7,59
6	Màu sắc trong nước	SMEWW 2120 C	Đv màu Cobalt	15	KPH
7	Độ đục	SMEWW 2130 B	NTU	2	KPH LOQ = 0,3
8	Hàm lượng Sulfat	EPA.375.4	mg/L	250	< LOQ LOQ = 10
9	Hàm lượng Sắt tổng cộng (*)	SMEWW 3500 Fe B	mg/L	0,3	KPH LOQ = 0,1
10	Hàm lượng Nitrit (*)	SMEWW 4500 NO ₂ B	mg/L	0,05	KPH LOQ = 0,04
11	Hàm lượng Nitrat	TCVN 6180:1996	mg/L	2	0,09
12	Hàm lượng Clorua	SMEWW 4500 - Cl ⁻ B	mg/L	250	10,0
13	Độ cứng tổng cộng (*)	SMEWW 2340C	mgCaCO ₃ /L	300	146,0
14	Chỉ số Permanganat	TCVN 6186:1996	mgO ₂ /L	2	KPH LOQ = 0,4

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Lâm Đồng

3. Các chỉ tiêu được công nhận Vilas đánh dấu (*); thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**).

4. Tên mẫu và tên đơn vị gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

SỞ Y TẾ LÂM ĐỒNG
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

54 Phạm Ngọc Thạch – Phường Cam Ly-Đà Lạt – tỉnh Lâm Đồng

☎: 02633816865, Fax: 02633827512, email: nhanmaudp@gmail.com

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử nghiệm	Đơn vị tính	Giới hạn tối đa	Kết quả
15	Hàm lượng Amoni	US.EPA 1997-350.2	mg/L	0,3	KPH LOQ = 0,07
16	Mùi vị	TCVN 2653 : 1978	/	Không mùi, vị	Không mùi, không vị lạ
17	Hàm lượng Clo dư	Đo bằng máy Hanna HI 96701	mg/L	0,2-1,0	0,65
18	Antimon (Sb) (**)	SMEWW 3030 A, E: 2023 SMEWW 3113 B : 2023	mg/L	0,02	Không phát hiện (LOD=0,002)
19	Bari (Ba) (**)	SMEWW 3030 A,E : 2023 SMEWW 3111 B : 2023	mg/L	0,7	Không phát hiện (LOD=0,1)
20	Bor (B) (tính chung cho cả Borat và axit Boric (B)) (**)	SMEWW 4500 (B) B : 2023	mg/L	0,3	Không phát hiện (LOD=0,058)
21	Cadimi (Cd) (**)	SMEWW 3030 A,E : 2023 SMEWW 3113 B : 2023	mg/L	0,003	Không phát hiện (LOD=0,0002)
22	Chì (Plumbum) (Pb) (**)	SMEWW 3030 A,E : 2023 SMEWW 3113 B : 2023	mg/L	0,01	Không phát hiện (LOD=0,002)
23	Chromi (Cr) (**)	SMEWW 3030 A,E : 2023 SMEWW 3113 B : 2023	mg/L	0,05	Không phát hiện (LOD=0,002)
24	Fluor(F) (**)	SMEWW 4500 (F) B,D : 2023	mg/L	1,5	Không phát hiện (LOD=0,08)
25	Natri (Na) (**)	SMEWW 3500 (Na) B : 2023	mg/L	200	60,90
26	Nhôm (Aluminium) (Al) (**)	SMEWW 3500 (Al) B : 2023	mg/L	0,2	Không phát hiện (LOD=0,02)
27	Nickel (Ni) (**)	SMEWW 3030 A,E : 2023 SMEWW 3113 B : 2023	mg/L	0,07	Không phát hiện (LOD=0,002)
28	Selen (Se) (**)	SMEWW 3030 A,E : 2023 SMEWW 3114 C : 2023	mg/L	0,01	Không phát hiện (LOD=0,002)
29	Sunfua (S ²⁻) (**)	EPA 376.2 : 2003	mg/L	0,05	Không phát hiện (LOD=0,05)
30	Thủy ngân (Hydrargyrum) (Hg) (**)	SMEWW 3112 (Hg) B : 2023	mg/L	0,001	Không phát hiện (LOD=0,00015)
31	Xyanua (CN ⁻) (**)	TCVN 6181 : 1996	mg/L	0,05	Không phát hiện (LOD=0,003)
32	1,1,1 – Tricloroetan (**)	SOP.01-364: 2022 (Ref. EPA Method 524.2)	µg/L	2000	Không phát hiện (LOD=0,15)
33	1,2 Dicloroetan (**)	SOP.01-364: 2022 (Ref. EPA Method 524.2)	µg/L	30	Không phát hiện (LOD=0,15)

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Lâm Đồng

3. Các chỉ tiêu được công nhận Vilas đánh dấu (*); thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**).

4. Tên mẫu và tên đơn vị gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

BM 17/02

Lần ban hành: 04

Ngày soát xét: 12/5/2025

Trang: /6

54 Phạm Ngọc Thạch – Phường Cam Ly-Đà Lạt – tỉnh Lâm Đồng
☎: 02633816865, Fax: 02633827512, email: nhanmaudp@gmail.com

☎: 02633816865, Fax: 02633827512, email: nhanmaudp@gmail.com

H
TÂM
T BỆNH
ÂM ĐỒ
★

2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Lâm Đồng

4. Tên mẫu và tên đơn vị gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

Trang: 16

SỞ Y TẾ LÂM ĐỒNG
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
 54 Phạm Ngọc Thạch – Phường Cam Ly-Đà Lạt – tỉnh Lâm Đồng
 ☎: 02633816865, Fax: 02633827512, email: nhanmaudp@gmail.com

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử nghiệm	Đơn vị tính	Giới hạn tối đa	Kết quả
54	1,3 – Dicloropropen (**)	SOP.01-370: 2022 (Ref. USA EPA 8270D)	µg/L	20	Không phát hiện (LOD=0,15)
55	2,4 – D (**)	SOP.01-371: 2022 (Ref. USA EPA 8270D)	µg/L	30	Không phát hiện (LOD=0,1)
56	2,4 - DB (**)	SOP.01-371: 2022 (Ref. USA EPA 8270D)	µg/L	90	Không phát hiện (LOD=0,1)
57	Alachlor (**)	SOP.01-370: 2022 (Ref. USA EPA 8270D)	µg/L	20	Không phát hiện (LOD=0,15)
58	Aldicarb (**)	SOP.01-371: 2022 (Ref. USA EPA 8270D)	µg/L	10	Không phát hiện (LOD=0,015)
59	Atrazine và các dẫn xuất chloro-s-triazine(**)	SOP.01-395: 2022 (Ref. USA EPA 8270D)	µg/L	100	Không phát hiện (LOD=0,15)
60	Carbofuran (**)	SOP.01-371: 2022 (Ref. USA EPA 8270D)	µg/L	5	Không phát hiện (LOD=0,015)
61	Chlorpyrifos (**)	SOP.01-396: 2022 (Ref. USA EPA 8270D)	µg/L	30	Không phát hiện (LOD=0,15)
62	Clodane (**)	SOP.01-370: 2022 (Ref. USA EPA 8270D)	µg/L	0,2	Không phát hiện (LOD=0,15)
63	Clorotoluron (**)	SOP.01-394: 2022 (Ref. USA EPA 8270D)	µg/L	30	Không phát hiện (LOD=0,15)
64	Cyanazine (**)	SOP.01-395: 2022 (Ref. USA EPA 8270D)	µg/L	0,6	Không phát hiện (LOD=0,15)
65	DDT và các dẫn xuất (**)	SOP.01-370: 2022 (Ref. USA EPA 8270D)	µg/L	1	Không phát hiện (LOD=0,15)
66	Dichloprop (**)	SOP.01-371: 2022 (Ref. USA EPA 8270D)	µg/L	100	Không phát hiện (LOD=0,1)
67	Fenoprop(**)	SOP.01-396: 2022 (Ref. USA EPA 8270D)	µg/L	9	Không phát hiện (LOD=0,15)
68	Hydroxyatrazine(**)	SOP.01-395: 2022 (Ref. USA EPA 8270D)	µg/L	200	Không phát hiện (LOD=0,15)
69	Isoproturon (**)	SOP.01-396: 2022 (Ref. USA EPA 8270D)	µg/L	9	Không phát hiện (LOD=0,15)
70	MCPA (**)	SOP.01-371: 2022 (Ref. USA EPA 8270D)	µg/L	2	Không phát hiện (LOD=0,1)
71	Mecoprop (**)	SOP.01-371: 2022 (Ref. USA EPA 8270D)	µg/L	10	Không phát hiện (LOD=0,1)

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Lâm Đồng

3. Các chỉ tiêu được công nhận Vilas đánh dấu (*); thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**).

4. Tên mẫu và tên đơn vị gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

SỞ Y TẾ LÂM ĐỒNG
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

54 Phạm Ngọc Thạch – Phường Cam Ly-Đà Lạt – tỉnh Lâm Đồng

☎: 02633816865, Fax: 02633827512, email: nhanmaudp@gmail.com

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử nghiệm	Đơn vị tính	Giới hạn tối đa	Kết quả
72	Methoxychlor (**)	SOP.01-370: 2022 (Ref. USA EPA 8270D)	µg/L	20	Không phát hiện (LOD=0,15)
73	Molinate (**)	SOP.01-394: 2022 (Ref. USA EPA 8270D)	µg/L	6	Không phát hiện (LOD=0,15)
74	Pendimetalin (**)	SOP.01-396: 2022 (Ref. USA EPA 8270D)	µg/L	20	Không phát hiện (LOD=0,15)
75	Permethrin (**)	SOP.01-396: 2022 (Ref. USA EPA 8270D)	µg/L	20	Không phát hiện (LOD=0,15)
76	Propanil (**)	SOP.01-371: 2022 (Ref. USA EPA 8270D)	µg/L	20	Không phát hiện (LOD=0,1)
77	Simazine (**)	SOP.01-395: 2022 (Ref. USA EPA 8270D)	µg/L	2	Không phát hiện (LOD=0,15)
78	Trifluralin(**)	SOP.01-396: 2022 (Ref. USA EPA 8270D)	µg/L	20	Không phát hiện (LOD=0,15)
79	2,4,6 -Triclorophenol (**)	SOP.01-368: 2022 (Ref. EPA Method 515.4)	µg/L	200	Không phát hiện (LOD=1,5)
80	Bromat(**)	TCVN 9243: 2012 (ISO 15061 : 2001)	µg/L	10	Không phát hiện (LOD=2)
81	Bromodichloromethane (**)	SOP.01-368: 2022 (Ref. EPA Method 515.4)	µg/L	60	Không phát hiện (LOD=1,5)
82	Bromoform (**)	SOP.01-368: 2022 (Ref. EPA Method 515.4)	µg/L	100	Không phát hiện (LOD=1,5)
83	Chloroform (**)	SOP.01-368: 2022 (Ref. EPA Method 515.4)	µg/L	300	Không phát hiện (LOD=1,5)
84	Dibromoacetonitrile(**)	SOP.01-368: 2022 (Ref. EPA Method 515.4)	µg/L	70	Không phát hiện (LOD=1,5)
85	Dibromocloromethane (**)	SOP.01-368: 2022 (Ref. EPA Method 515.4)	µg/L	100	Không phát hiện (LOD=1,5)
86	Dicloroacetonitrile (**)	SOP.01-368: 2022 (Ref. EPA Method 515.4)	µg/L	20	Không phát hiện (LOD=1,5)
87	Dicloroacetic acid (**)	SOP.01-368: 2022 (Ref. EPA Method 515.4)	µg/L	50	Không phát hiện (LOD=1,5)
88	Formaldehyde (**)	SOP.01-563: 2023 (Ref. EPA Method 1667)	µg/L	900	Không phát hiện (LOD=15)
89	Monochloramine(**)	TCVN 6225-2 : 2012	µg/L	3,0	Không phát hiện (LOD=0,01)

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Lâm Đồng

3. Các chỉ tiêu được công nhận Vilas đánh dấu (*); thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**).

4. Tên mẫu và tên đơn vị gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

BM 17/02

Lần ban hành: 04

Ngày soát xét: 12/5/2025

Trang: /6

SỞ Y TẾ LÂM ĐỒNG
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
 54 Phạm Ngọc Thạch – Phường Cam Ly-Đà Lạt – tỉnh Lâm Đồng
 ☎: 02633816865, Fax: 02633827512, email: nhanmaudp@gmail.com

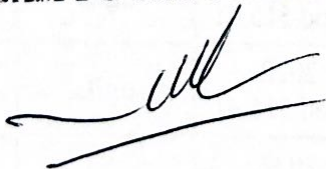
Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử nghiệm	Đơn vị tính	Giới hạn tối đa	Kết quả
90	Monochloroacetic acid (**)	SOP.01-368: 2022 (Ref. EPA Method 515.4)	µg/L	20	Không phát hiện (LOD=1,5)
91	Trichloroacetic acid (**)	SOP.01-368: 2022 (Ref. EPA Method 515.4)	µg/L	200	Không phát hiện (LOD=1,5)
92	Trichloroaxetonitril (**)	SOP.01-368: 2022 (Ref. EPA Method 515.4)	µg/L	1	Không phát hiện (LOD=0,3)
93	Tổng hoạt độ phóng xạ alpha (**)	ISO 10704: 2019; (05.2-CL4/ST 7.3)	Bq/L	0,1	Không phát hiện (LOD=0.03)
94	Tổng hoạt độ phóng xạ beta (**)	ISO 10704: 2019; (05.2-CL4/ST 7.3)	Bq/L	1,0	Không phát hiện (LOD=0.07)
95	Arsenic (As) (**)	SMEWW 3030 A,E: 2023; SMEWW 3113 E: 2023	mg/L	0,01	KPH LOD = 0,002
96	Tổng chất rắn hòa tan	SMEWW 2540C: 2017	mg/L	1000	374,0

Nhận xét:

Mẫu nước trên có các chỉ tiêu thử nghiệm không vượt giới hạn cho phép theo QCVN 1:2023/LĐ Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng, ban hành theo Quyết định số 47/2023/QĐ-UBND ngày 18/8/2023.

Ghi chú: - KPH: KPH;
 - LOQ: Giới hạn định lượng;
 - LOD: Giới hạn phát hiện;
 - Kết quả thử nghiệm từ chỉ tiêu số 18 đến số 95 do Công ty TNHH phân tích kiểm nghiệm Việt Tín thực hiện.

**KHOA XÉT NGHIỆM
 CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH
 THĂM DÒ CHỨC NĂNG**



Lê Thị Hồng Hạnh

Ngày 29 tháng 9 năm 2025

GIÁM ĐỐC

**KT. GIÁM ĐỐC
 PHÓ GIÁM ĐỐC**



PHÙNG XUÂN BÁCH

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Lâm Đồng
3. Các chỉ tiêu được công nhận Vilas đánh dấu (*); thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**).
4. Tên mẫu và tên đơn vị gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 12 / 2025
Mã số mẫu: N.25.118

Tên đơn vị gửi mẫu: **KHOA SỨC KHỎE MÔI TRƯỜNG – Y TẾ TRƯỜNG HỌC – BỆNH NGHỀ NGHIỆP**

Địa chỉ: Số 54 Phạm Ngọc Thạch, Phường Cam Ly-Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

Ngày lấy mẫu: 18 / 9 / 2025

Địa điểm lấy mẫu: **248 Nguyễn Đình Chiểu – xã Đức Trọng**

Tên mẫu: Nước máy

Tình trạng mẫu: Mẫu đựng trong can nhựa và chai vô trùng nguyên vẹn.

Thời gian phân tích: Từ ngày 18 / 9 / 2025 đến ngày 26 / 9 / 2025.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử nghiệm	Đơn vị tính	Giới hạn tối đa	Kết quả
1	Coliform tổng số (*)	TCVN 6187 – 1:2019	CFU/100ml	< 3	0
2	<i>E.coli</i> (*)	TCVN 6187 – 1:2019	CFU/100ml	< 1	0
3	<i>Staphylococcus aureus</i> (*)	SMEWW 9213 B : 2023	CFU/100ml	< 1	0
4	<i>Pseudomonas aeruginosa</i> (*)	TCVN 8881:2011	CFU/100ml	< 1	0
5	Độ pH (*)	TCVN 6492:2011	/	6,0-8,5	7,29
6	Màu sắc trong nước	SMEWW 2120 C	Đv màu Cobalt	15	KPH
7	Độ đục	SMEWW 2130 B	NTU	2	KPH LOQ = 0,3
8	Hàm lượng Sulfat	EPA.375.4	mg/L	250	< LOQ LOQ = 10
9	Hàm lượng Sắt tổng cộng (*)	SMEWW 3500 Fe B	mg/L	0,3	KPH LOQ = 0,1
10	Hàm lượng Nitrit (*)	SMEWW 4500 NO ₂ B	mg/L	0,05	KPH LOQ = 0,03
11	Hàm lượng Nitrat	TCVN 6180:1996	mg/L	2	0,63
12	Hàm lượng Clorua (*)	SMEWW 4500 - Cl ⁻ B	mg/L	250	12,0
13	Độ cứng tổng cộng (*)	SMEWW 2340C	mgCaCO ₃ /L	300	154,0
14	Chỉ số Permanganat	TCVN 6186:1996	mgO ₂ /L	2	KPH

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Lâm Đồng

3. Các chỉ tiêu được công nhận Vilas đánh dấu (*); thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**).

4. Tên mẫu và tên đơn vị gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

SỞ Y TẾ LÂM ĐỒNG
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH LÂM ĐỒNG
 54 Phạm Ngọc Thạch – Phường Cam Ly-Đà Lạt – tỉnh Lâm Đồng
 ☎: 02633816865, Fax: 02633827512, email: nhanmaudp@gmail.com

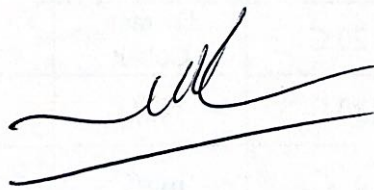
Sst	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử nghiệm	Đơn vị tính	Giới hạn tối đa	Kết quả
15	Hàm lượng Amoni	US.EPA 1997-350.2	mg/L	0,3	KPH LOQ = 0,07
16	Mùi vị	TCVN 2653: 1978	/	Không mùi, vị	Không mùi không vị lạ
17	Tổng chất rắn hòa tan	SMEWW 2540C: 2017	mg/L	1000	418,50
18	Hàm lượng Clo dư	Đo bằng máy Hanna HI 96701	mg/L	0,2-1,0	0,40
19	Arsenic (As) (**)	SMEWW 3030 A,E: 2023; SMEWW 3113 B: 2023	mg/L	0,01	KPH LOD = 0,002

Kết luận:

Mẫu nước trên có các chỉ tiêu thử nghiệm không vượt giới hạn cho phép theo QCVN 1:2023/LĐ Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng, ban hành theo Quyết định số 47/2023/QĐ-UBND ngày 18/8/2023.

Ghi chú: - KPH: KPH;
 - LOQ: Giới hạn định lượng;

**KHOA XÉT NGHIỆM
 CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH
 THẨM DÒ CHỨC NĂNG**



Lê Thị Hồng Hạnh

Ngày 29 tháng 9 năm 2025
GIÁM ĐỐC

**KT. GIÁM ĐỐC
 PHÓ GIÁM ĐỐC**



PHÙNG XUÂN BÁCH

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Lâm Đồng
3. Các chỉ tiêu được công nhận Vilas đánh dấu (*); thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**).
4. Tên mẫu và tên đơn vị gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



SỞ Y TẾ LÂM ĐỒNG
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH LÂM ĐỒNG
54 Phạm Ngọc Thạch – Phường Cam Ly-Đà Lạt – tỉnh Lâm Đồng
☎: 02633816865, Fax: 02633827512, email: nhanmaudp@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 72 / 2025

Mã số mẫu: N.25.119

Tên đơn vị gửi mẫu: **KHOA SỨC KHỎE MÔI TRƯỜNG – Y TẾ TRƯỜNG HỌC – BỆNH
NGHỀ NGHIỆP**

Địa chỉ: Số 54 Phạm Ngọc Thạch, Phường Cam Ly-Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

Ngày lấy mẫu: 18 / 9 / 2025

Địa điểm lấy mẫu: **162 Thống Nhất – xã Đức Trọng**

Tên mẫu: Nước máy

Tình trạng mẫu: Mẫu đựng trong can nhựa và chai vô trùng nguyên vẹn.

Thời gian phân tích: Từ ngày 18 / 9 / 2025 đến ngày 26 / 9 / 2025.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử nghiệm	Đơn vị tính	Giới hạn tối đa	Kết quả
1	Coliform tổng số (*)	TCVN 6187 – 1:2019	CFU/100ml	< 3	0
2	<i>E.coli</i> (*)	TCVN 6187 – 1:2019	CFU/100ml	< 1	0
3	<i>Staphylococcus aureus</i> (*)	SMEWW 9213 B : 2023	CFU/100ml	< 1	0
4	<i>Pseudomonas aeruginosa</i> (*)	TCVN 8881:2011	CFU/100ml	< 1	0
5	Độ pH (*)	TCVN 6492:2011	/	6,0-8,5	7,44
6	Màu sắc trong nước	SMEWW 2120 C	Đv màu Cobalt	15	KPH
7	Độ đục	SMEWW 2130 B	NTU	2	KPH LOQ = 0,3
8	Hàm lượng Sulfat	EPA.375.4	mg/L	250	< LOQ LOQ = 10
9	Hàm lượng Sắt tổng cộng (*)	SMEWW 3500 Fe B	mg/L	0,3	KPH LOQ = 0,1
10	Hàm lượng Nitrit (*)	SMEWW 4500 NO ₂ B	mg/L	0,05	KPH LOQ = 0,03
11	Hàm lượng Nitrat	TCVN 6180:1996	mg/L	2	0,23
12	Hàm lượng Clorua (*)	SMEWW 4500 - Cl ⁻ B	mg/L	250	12,50
13	Độ cứng tổng cộng (*)	SMEWW 2340C	mgCaCO ₃ /L	300	186,0
14	Chỉ số Permanganat	TCVN 6186:1996	mgO ₂ /L	2	KPH

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Lâm Đồng

3. Các chỉ tiêu được công nhận Vilas đánh dấu (*); thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**).

4. Tên mẫu và tên đơn vị gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

BM 17/02

Lần ban hành: 04

Ngày soát xét: 12/5/2025

Trang: 2/2



Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử nghiệm	Đơn vị tính	Giới hạn tối đa	VLAT 1/2023
15	Hàm lượng Amoni	US.EPA 1997-350.2	mg/L	0,3	KPH LOQ = 0,07
16	Mùi vị	TCVN 2653: 1978	/	Không mùi, vị	Không mùi không vị lạ
17	Tổng chất rắn hòa tan	SMEWW 2540C: 2017	mg/L	1000	388,0
18	Hàm lượng Clo dư	Đo bằng máy Hanna HI 96701	mg/L	0,2-1,0	0,82
19	Arsenic (As) (**)	SMEWW 3030 A,E: 2023; SMEWW 3113 B: 2023	mg/L	0,01	KPH LOD = 0,002

Kết luận:

Mẫu nước trên có các chỉ tiêu thử nghiệm không vượt giới hạn cho phép theo QCVN 1:2023/LĐ Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng, ban hành theo Quyết định số 47/2023/QĐ-UBND ngày 18/8/2023.

Ghi chú: - KPH: KPH;
 - LOQ: Giới hạn định lượng;

**KHOA XÉT NGHIỆM
 CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH
 THĂM DÒ CHỨC NĂNG**

Lê Thị Hồng Hạnh

Ngày 29 tháng 9 năm 2025
GIÁM ĐỐC

**KT. GIÁM ĐỐC
 PHÓ GIÁM ĐỐC**

PHÙNG XUÂN BÁCH

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Lâm Đồng
3. Các chỉ tiêu được công nhận Vilas đánh dấu (*); thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**).
4. Tên mẫu và tên đơn vị gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.